TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KON TUM** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18 – 01 – 2018.
Về việc " Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chế Thị Mai Mai.

2. Bà Nguyễn Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 406/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trịnh Hồng N, sinh năm 1981. (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1977. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Vinh Q, thành phố Kon T, tỉnh Kon T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/9/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trịnh Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Hồng N và anh Lê Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Vinh Q, thị xã Kon T (nay là thành phố Kon T), tỉnh Kon T vào ngày 10/9/1999. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng trầm trọng nhất là từ tháng 6/2017 đến nay. Nguyên nhân ban đầu là do anh H thường xuyên uống rượu, đi qua đêm, không chung thuỷ, đến tháng 6/2017 anh H nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm với người yêu cũ nên uống rượu nhiều hơn về gây sự, chửi bới, xúc phạm, đánh đập chị làm xáo trộn cuộc sống

gia đình, ảnh hưởng đến việc học tập của các con. Chị đã nhờ người thân khuyên can, nhờ thôn trưởng can thiệp nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thay đổi. Chị nhận thấy không còn tình cảm với anh H, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 02 con chung là Lê Khả H, sinh ngày 12/10/2000 và Lê Thùy L, sinh ngày 13/9/2008. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi 02 con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 01/12/2017 bị đơn anh Lê Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H công nhận thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn đúng như chị N trình bày. Riêng về nguyên nhân mâu thuẫn anh cho rằng thời gian gần đây anh nghi ngờ chị N có quan hệ tình cảm với người yêu cũ và tài chính trong nhà chị N quản lý hết nên anh có bức xúc thường xuyên uống rượu về xúc phạm, đánh đập chị, anh không ngoại tình, không đi qua đêm như chị N trình bày. Nay chị N yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì anh vẫn còn thương yêu vợ con.

Về con chung: Có 02 con chung là Lê Khả H, sinh ngày 12/10/2000 và Lê Thùy L, sinh ngày 13/9/2008. Nếu Toà án giải quyết ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con Lê Thùy L, chị N nuôi con Lê Khả H. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Văn H đã được Tòa án giao nhận văn bản hợp lệ nhưng anh H vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Hồng N và anh Lê Văn H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Vinh Q, thị xã Kon T (nay là thành phố Kon T), tỉnh Kon T vào ngày 10/9/1999 theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm điều kiện kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Hồng N và anh Lê Văn H là hôn nhân hợp pháp.

[2] Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị N trình bày là do: *anh H có người phụ nữ khác, thường xuyên uống rượu say về chửi bới, xúc phạm chị.* Còn anh H *khẳng định anh không ngoại tình mà mâu thuẫn vợ chồng là do anh nghi ngờ chị N có quan hệ tình cảm với người yêu cũ, thu nhập trong nhà chị N quản lý hết.*

[3] Xét các chứng cứ vụ án: Chị N không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh việc anh H ngoại tình. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án tại văn bản ngày 01/12/2017 anh H thừa nhận "*anh nghi ngờ chị N có quan hệ tình cảm với*

người yêu cũ và tài chính trong nhà chị Nga quản lý hết nên anh có bức xúc thường xuyên uống rượu về xúc phạm, đánh đập chị N" (BL số 33). Tại phiên tòa con gái Lê Ngọc H và Lê Thùy L khai rằng " *Từ nhỏ con đã chứng kiến cảnh ba đánh mẹ và tiếng cãi nhau lúc ba say xỉn*". Chị N cung cấp 01 sổ khám bệnh và 01 phiếu khám ngoại chấn thương của chị ngày 06/9/2017 có xác của Bệnh viện tỉnh Kon T, chẩn đoán " *Chấn thương đầu do bị đánh*"(BL số 19).Trưởng thôn phương quý 2, xã Vinh Q có xác nhận đơn trình bày của chị N về việc " *Trong năm 2017 anh H thường xuyên uống rượu say về gây sự, xúc phạm chị N*" (BL số 18).

[4] Anh H không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc chị N có quan hệ với người yêu cũ. Việc anh H cho rằng chị N quản lý hết tài chính nhưng thực tế cho thấy tài sản của anh chị ngoài căn nhà đứng tên chung vợ chồng, còn lại chiếc xe tải và số tiền 400.000.0000 đồng gửi tại Ngân hàng đều đứng tên anh, vì vậy nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn mà anh H đưa ra là không có cơ sở.

[5] Xét tình trạng hôn nhân: Mâu thuẫn giữa chị Trịnh Hồng N và anh Lê Văn H xảy ra liên tục từ nhiều năm nay. Gia đình hai bên, bạn bè và chính quyền đã động viên, khuyên giải; anh chị cũng đã cố gắng khắc phục từ lần chị bỏ về nhà cha mẹ sinh sống (năm 2009) và 02 lần chị rút đơn khởi kiện xin ly hôn (trong 02 năm 2016 – 2017, BL số 05) nhưng đến nay vẫn không tìm được tiếng nói chung. Tại phiên tòa hai con Lê Ngọc H và Lê Thùy L đều khai rằng "*Nếu bố mẹ tiếp tục sống chung thì rất mệt mỏi vì ba thường xuyên uống rượu về chửi bới, đánh đập mẹ*" và " *Nếu ba mẹ ly hôn thì không ảnh hưởng đến việc học tập của các con*; chị N khẳng định không còn tình cảm với anh H và tha thiết xin được ly hôn. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trịnh Hồng N.

[6] Về con chung: Chị N có nguyện vọng nuôi hai con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H có nguyện vọng nuôi con Lê Thuỳ L. Xét thấy: Hai cháu Lê Khả H và Lê Thùy L đều là con gái và đang ở độ tuổi phát triển tâm sinh lý nên cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, chị Nga có công việc, nơi ở và thu nhập ổn định, hơn nữa cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu Lê Thùy L không đồng ý ở với ba. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao hai con chung Lê Khả H, sinh ngày 12/10/2000 và Lê Thùy L, sinh ngày 13/9/2008 cho chị Trịnh Hồng N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[7] Chị Trịnh Hồng N không yêu cầu anh Lê Văn H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh H có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Chị Trịnh Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" của chị Trịnh Hồng N, đơn đề ngày 22/9/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Hồng N được ly hôn anh Lê Văn H.

2.Về con chung: Giao hai con chung Lê Khả H, sinh ngày 12/10/2000 và Lê Thùy , sinh ngày 13/9/2008 cho chị Trịnh Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Văn H được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3.Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Trịnh Hồng N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0000810 ngày 05/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum. Chị Trịnh Hồng N đã nộp đủ án phí.

Căn cứ các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Trịnh Hồng N được quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại xã (phường), nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh KonT;
- VKSND TP KonT;
- Chi cục THA dân sự TP KonT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA